

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt “Đề án bảo tồn, phát huy tiếng dân tộc thiểu số
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2029;

Căn cứ Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 33/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc thẩm định tài liệu giáo dục địa phương; Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT ngày 22/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại Tờ trình số 28/TTr-BDT ngày 16/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Đề án bảo tồn, phát huy tiếng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bắc Giang”.

(Có Đề án chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giám đốc sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh; các phòng, đơn vị;
- Lưu: VT, KGVX.Cường.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Sơn

ĐỀ ÁN

Bảo tồn, phát huy tiếng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2023
của UBND tỉnh Bắc Giang)

Phần I

SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đã khẳng định: "...Bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, chữ viết của các dân tộc. Đi đôi với việc sử dụng tiếng nói, chữ viết phổ thông, khuyến khích thế hệ trẻ thuộc đồng bào các dân tộc thiểu số học tập, hiểu biết và sử dụng thành thạo tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình..."

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009 quy định, Nhà nước bảo vệ và phát triển tiếng nói, chữ viết của các dân tộc Việt Nam thông qua các biện pháp sau đây: "... dạy tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số cho học sinh người dân tộc thiểu số theo quy định của Luật Giáo dục".

- Khoản 2, Điều 11 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 năm 2019, khẳng định: "Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình theo quy định của Chính phủ".

- Khoản 2, khoản 3, Điều 14 Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên; trong đó, quy định về trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: "Quản lý, chỉ đạo việc dạy học tiếng dân tộc thiểu số ở địa phương. Hằng năm, bố trí, đảm bảo các điều kiện về nguồn lực, tài chính phục vụ cho việc dạy và học tiếng dân tộc thiểu số theo đúng quy định hiện hành về phân cấp ngân sách nhà nước".

- Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc quy định nguyên tắc cơ bản của công tác dân tộc là: "Đảm bảo việc giữ gìn tiếng nói, chữ viết, bản sắc dân tộc, phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mỗi dân tộc".

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng

bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 33/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc thẩm định tài liệu giáo dục địa phương; Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT ngày 22/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của DTTS trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên.

2. Cơ sở thực tiễn

Bắc Giang là tỉnh miền núi có diện tích tự nhiên 3.895,48 km², dân số toàn tỉnh hiện nay trên 2 triệu người, trong đó dân số người DTTS chiếm trên 14% dân số toàn tỉnh, với khoảng 260.000 người. Các huyện có đông người DTTS sinh sống thành cộng đồng, gồm: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế và Lạng Giang. Có 45 thành phần DTTS, trong đó có 06 DTTS bản địa có dân số đông, sinh sống thành cộng đồng, gồm: Nùng, Tày, Sán Dìu, Hoa, Sán Chay (bao gồm Cao Lan và Sán Chí), Dao chiếm 97,78%; còn lại 39 thành phần DTTS khác chiếm 2,22% dân số người DTTS.

Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, toàn tỉnh có 73 xã thuộc vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025, trong đó: huyện Sơn Động 17 xã, Lục Ngạn 27 xã, Lục Nam 12 xã, Yên Thế 14 xã, Lạng Giang 03 xã. Toàn tỉnh có 36 xã, thị trấn thuộc khu vực I; 09 xã, thị trấn thuộc khu vực II; 28 xã, thị trấn thuộc khu vực III (xã đặc biệt khó khăn), với tổng số 244 thôn đặc biệt khó khăn (ĐBK), trong đó: 178 thôn thuộc các xã khu vực III, 66 thôn thuộc các xã khu vực I và II.

Những năm vừa qua Đảng, Nhà nước, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm phát huy mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tạo nên những thành tựu quan trọng trên nhiều mặt đời sống xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các DTTS trên địa bàn tỉnh... Tuy nhiên, hiện nay đã có nhiều nét văn hóa truyền thống tốt đẹp như: Ngôn ngữ, lễ hội, kiến trúc, phong tục tập quán, tín ngưỡng... đặc biệt là ngôn ngữ (tiếng nói, chữ viết) của 06 thành phần DTTS bản địa có dân số đông, sinh sống thành cộng đồng trên địa bàn tỉnh, gồm: Nùng, Tày, Sán Dìu, Hoa, Sán Chay (bao gồm Cao Lan và Sán Chí), Dao đang dần bị mai một theo thời gian.

Theo kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội các DTTS tỉnh Bắc Giang năm 2019 cho thấy; toàn tỉnh chỉ còn 1,0 % số người DTTS nói được tiếng của dân tộc mình (tiếng mẹ đẻ); trong đó: Dân tộc Sán Chay (Cao Lan, Sán Chí) 4,16%; Dao 1,45%; Hoa 1,34%; Tày 1,29%; Nùng 0,93%; Sán Dìu 0,45%. Các dân tộc này đều có bản sắc văn hóa và tiếng nói riêng (không có chữ viết riêng); việc hình thành, lưu truyền bản sắc văn hóa của họ từ ngàn xưa tới nay đều

thông qua tiếng nói và bằng phương pháp truyền khẩu (*truyền miệng*). Nhưng đáng lo ngại nhất là số người DTTS không còn nói được "tiếng mẹ đẻ" của mình (*không biết và nói được tiếng của dân tộc mình*) chủ yếu ở lứa tuổi thanh thiếu niên, thế hệ có trách nhiệm kế tục gìn giữ và lưu truyền bản sắc văn hóa của dân tộc mình cho đời sau.

3. Cơ sở lý luận

Ngôn ngữ (*bao gồm: tiếng nói, chữ viết*) là một trong những thành tố quan trọng nhất của văn hóa; ngôn ngữ là công cụ, phương tiện để truyền tải văn hóa, các loại hình văn hóa nghệ thuật, những giá trị, những nét đặc thù văn hóa được thể hiện, lưu truyền cho đời sau thông qua ngôn ngữ và bằng ngôn ngữ.

Do vậy, từ những cơ sở pháp lý, thực tiễn và lý luận nêu trên, việc xây dựng Đề án "Bảo tồn, phát huy tiếng DTTS trên địa bàn tỉnh Bắc Giang" là rất cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ ÁN

1. Đối tượng nghiên cứu

Bảo tồn, phát huy tiếng DTTS (*ngôn ngữ-tiếng nói*) của 06 thành phần DTTS chiếm số đông, sinh sống ổn định thành cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang là: Nùng, Tày, Sán Dìu, Hoa, Sán Chay (*Cao Lan, Sán Chí*) và Dao.

2. Phạm vi nghiên cứu

Trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, trọng tâm là 73 xã vùng đồng bào DTTS&MN tại các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế và Lạng Giang.

3. Phương pháp nghiên cứu

Điều tra, khảo sát thực trạng (*thông tin sơ cấp*) tình hình sử dụng tiếng DTTS và nhu cầu học tiếng DTTS; kết hợp sử dụng thông tin từ các báo cáo, bài viết, đề tài nghiên cứu, kết quả điều tra... đã được công bố (*thông tin thứ cấp*) và các thông tin khác liên quan đến các nội dung của Đề án; cập nhật các văn bản mới của Trung ương, của tỉnh Bắc Giang về công tác dân tộc, làm cơ sở xây dựng Đề án.

Phần II

NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO TỒN TIẾNG DTTS HIỆN NAY

1. Một số hoạt động bảo tồn tiếng DTTS hiện nay

1.1. Chính sách của Nhà nước về bảo tồn ngôn ngữ tiếng DTTS

Luật Giáo dục, Chính phủ đã ban hành Nghị định quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của DTTS trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên; Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của DTTS trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên...

Theo đó, Thông tư quy định quy trình đưa tiếng DTTS vào dạy học, quy định về trình tự thủ tục cụ thể trước khi UBND tỉnh quyết định về việc dạy học tiếng DTTS trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn⁽¹⁾.

Nội dung, phương pháp và kế hoạch dạy học tiếng DTTS được quy định trong từng chương trình tiếng DTTS hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Về hình thức tổ chức dạy học: Môn Tiếng DTTS được thực hiện theo chương trình của từng cấp học, sử dụng thời lượng tự chọn trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành để tổ chức dạy học trong các cơ sở giáo dục. Ngoài ra việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy tiếng DTTS đúng chuyên ngành sư phạm về tiếng DTTS tại các cơ sở giáo dục đại học; chương trình bồi dưỡng giáo viên dạy DTTS do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành...

Chế độ chính sách đối với người học: Người học là người DTTS học tiếng DTTS tại các cơ sở giáo dục được nhà nước đảm bảo sách giáo khoa, tài liệu tham khảo phục vụ việc học tiếng DTTS.

Tuy nhiên, các nội dung chính sách nêu trên chưa được triển khai trên địa bàn tỉnh Bắc Giang do chưa có giáo trình dạy tiếng dân tộc trong nhà trường; không có giáo viên dạy tiếng dân tộc đạt yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Một số hoạt động bảo tồn tiếng DTTS trong cộng đồng hiện nay

Trước thực trạng mai một ngôn ngữ tiếng DTTS như hiện nay; trong đồng bào DTTS đã xuất hiện một số mô hình bảo tồn tiếng dân tộc thông qua việc mở các lớp học tiếng dân tộc như sau:

¹ Để đưa môn học tiếng dân tộc vào dạy trong trường học, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định: Các Trường TH, THCS, THPT... tổng hợp nhu cầu học tiếng DTTS, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo. Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp nhu cầu học tiếng DTTS của người học, căn cứ vào các điều kiện tổ chức dạy học cụ thể của địa phương xây dựng kế hoạch và tham mưu UBND cấp tỉnh để lập hồ sơ đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận việc dạy học tiếng DTTS trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn và Bộ thông báo bằng văn bản cho UBND cấp tỉnh trong thời gian 30 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. UBND cấp tỉnh sau khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo chấp thuận thì ban hành Quyết định về việc dạy học tiếng dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

- Mô hình truyền dạy tiếng Sán Chay (*Sán Chí, Cao Lan*) của ông Đàm Xuân Tình, người có uy tín (NCUT) trong đồng bào DTTS thôn Đồng Bầy xã An Lạc, huyện Sơn Động; từ năm 2022 tới nay đã tổ chức được 02 lớp học (01 lớp tiếng Cao Lan, 01 lớp tiếng Sán Chí), mỗi lớp huy động được khoảng 20 con, em người dân tộc trong thôn.

- Mô hình truyền dạy tiếng Dao của ông Bàn Văn Cường, NCUT thôn Thanh Chung, thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động. Từ năm 2008 đến nay, ông Cường đã tổ chức được 10 lớp học tiếng Dao trên địa bàn các xã Tuấn Mậu, thị trấn Thanh Sơn trước đây, nay là thị trấn Tây Yên Tử.

- Hội bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc Sán Dìu tỉnh Bắc Giang phát động phong trào truyền dạy tiếng dân tộc Sán Dìu; hè năm 2023 đã tổ chức khai giảng được 02 lớp truyền dạy tiếng Sán Dìu với 136 học viên tại xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn.

- Mô hình truyền dạy tiếng Tày của cô giáo Dương Thị Bền, giáo viên Trường Trung học cơ sở xã Vân Sơn, huyện Sơn Động; năm 2023 tổ chức được 01 lớp học tiếng Tày với 20 học sinh trong Trường.

- Toàn tỉnh hiện có 49⁽²⁾ Câu lạc bộ bảo tồn, phát huy dân ca, dân vũ, dân nhạc truyền thống của các DTTS; qua hoạt động bảo tồn các làn điệu dân ca, dân vũ cũng góp phần bảo tồn tiếng dân tộc.

2. Những tồn tại, hạn chế

- Chính sách về việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của DTTS trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên chưa triển khai thực hiện được trên địa bàn tỉnh do chưa có giáo trình dạy tiếng dân tộc trong nhà trường⁽³⁾; không có giáo viên dạy tiếng dân tộc đạt yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các mô hình truyền dạy tiếng DTTS; câu lạc bộ bảo tồn, phát huy dân ca, dân vũ, dân nhạc truyền thống của các DTTS nêu trên chủ yếu là hoạt động tự phát của một số cá nhân có tâm huyết, muốn lưu giữ, bảo tồn văn hóa của dân tộc mình cho thế hệ mai sau; các câu lạc bộ dân ca, dân vũ, dân nhạc truyền thống mới chỉ quan tâm tới việc bảo tồn các làn điệu dân ca tiêu biểu của từng dân tộc, chưa quan tâm tới việc bảo tồn ngôn ngữ các DTTS.

- Nhà nước chưa có cơ chế, chính sách cụ thể, phù hợp với thực tiễn cho việc bảo tồn, phát huy tiếng DTTS. Vì vậy, một số hoạt động bảo tồn ngôn ngữ tiếng dân tộc còn có những khó khăn, hạn chế như:

+ Các lớp học tiếng dân tộc không duy trì được số lớp học tới cuối khóa học; có nhiều lớp ban đầu có trên 30 học viên, sau một thời gian bỏ học dần, chỉ còn 5 – 7 người học.

² Theo Báo cáo của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch về công tác bảo tồn, phát huy dân ca, dân vũ, dân nhạc truyền thống của các DTTS trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016 - 2020 (tháng 6/2021).

³ Đến nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo mới phê duyệt được 08 tài liệu dạy học tiếng DTTS lớp 1, nhưng không có ngôn ngữ của các thành phần DTTS trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

+ Không có một bộ tài liệu truyền dạy chung, được cấp có thẩm quyền phê duyệt để làm tài liệu truyền dạy trong trường học và cộng đồng. Tài liệu truyền dạy mỗi nơi một khác nhau, do tự biên soạn, còn đơn điệu về nội dung, thiếu tính tuyên truyền, không hấp dẫn người học...

+ Ngôn ngữ các DTTS hầu như không được sử dụng thường xuyên trong gia đình, cộng đồng và xã hội; chỉ còn những lớp người trên 60 tuổi sử dụng tiếng dân tộc trong giao tiếp với bạn đời và bạn cùng trang lứa trong cộng đồng; nhưng khi giao tiếp với các thế hệ con, cháu lại chỉ sử dụng tiếng Kinh. Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển, hội nhập kinh tế, văn hóa... nên đã dẫn đến việc đồng hóa rất nhanh, nhất là thế hệ trẻ - dưới 60 tuổi (*ở nhà ông, bà, bố, mẹ không nói tiếng dân tộc; trong cộng đồng không nói tiếng dân tộc; các thế hệ thanh, thiếu niên không nói tiếng dân tộc; thậm chí trong một số thời điểm lịch sử việc mặc trang phục và nói tiếng dân tộc bị kỳ thị, bị coi là lạc hậu, không văn minh, hiện đại...*). Đây vừa là nguyên nhân, cũng vừa là kết quả của thực trạng ngày càng mai một và suy giảm nhanh chóng số người nói được "tiếng mẹ đẻ" của mình trong đồng bào DTTS⁽⁴⁾.

- Cấp ủy, chính quyền chưa có sự quan tâm đúng mức tới công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa các DTTS trên địa bàn⁽⁵⁾.

3. Nguyên nhân

- Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa ban hành giáo trình dạy tiếng dân tộc đối với các DTTS chiếm số đông trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; tỉnh Bắc Giang chưa có đội ngũ giáo viên dạy tiếng dân tộc đạt “chuẩn” theo quy định nên chưa triển khai được chương trình dạy và học tiếng nói, chữ viết của DTTS trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên.

- Đa số cấp ủy, chính quyền cơ sở, người DTTS chưa nhận thức nhận thức rõ về vị trí, tầm quan trọng của việc bảo tồn “tiếng mẹ đẻ” của dân tộc mình để lưu giữ, truyền dạy cho thế hệ mai sau nên chưa quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các biện pháp gìn giữ, bảo tồn tiếng dân tộc; không truyền dạy trong gia đình và động viên con em theo học; không sử dụng tiếng dân tộc trong giao tiếp hàng ngày trong gia đình và cộng đồng nên thiếu môi trường sử dụng, gìn giữ, bảo tồn tiếng DTTS.

- Chưa có cơ chế, chính sách cụ thể của tỉnh để huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị vào việc bảo tồn tiếng DTTS để hỗ trợ, khuyến khích những cá nhân có tâm huyết trong hoạt động gìn giữ, bảo tồn ngôn ngữ DTTS.

- Những người truyền dạy tiếng DTTS, tuổi đã cao, thiếu kỹ năng sư phạm trong truyền dạy tiếng dân tộc nên hiệu quả tổ chức các lớp học nêu trên còn hạn chế.

⁴ Báo cáo kết quả điều tra tháng 5/2023 về thực trạng sử dụng và nhu cầu học tiếng dân tộc trong cộng đồng của Tổ điều tra thống kê.

⁵ Sở VH-TTDL: Báo cáo công tác bảo tồn, phát huy dân ca, dân vũ, dân nhạc truyền thống của các DTTS tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016- 2020 (Tháng 6/2021).

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Quan điểm

- Việc “Bảo tồn, phát huy tiếng DTTS trên địa bàn tỉnh Bắc Giang” phải là việc làm thường xuyên, liên tục, đòi hỏi sự kiên trì, bền bỉ, không nóng vội; có “điểm khởi đầu”, không có “điểm kết thúc”; có lộ trình thực hiện các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên, phù hợp với nhu cầu, khả năng bố trí ngân sách, huy động nguồn lực và tình hình thực tiễn tại địa phương, cơ sở.

- Kế thừa những công trình hạ tầng cơ sở đã có như: Các nhà văn hóa thôn/bản; cơ sở vật chất tại các trường tiểu học (TH), trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT), phổ thông dân tộc nội trú, bán trú (PTDTNT, BT), (sau đây gọi chung là các trường học vùng đồng bào DTTS&MN) làm địa điểm tổ chức các lớp học tiếng dân tộc.

- Bảo tồn, phát huy tiếng DTTS phải do người DTTS thực hiện; vì vậy, cần phát huy đội ngũ công chức, viên chức là người DTTS (*đang công tác hoặc đã nghỉ hưu*), nghệ nhân, NCUT, người dân còn thông thạo tiếng dân tộc, có điều kiện, tâm huyết tham gia thực hiện các nội dung của Đề án.

- Phân công, phân cấp hợp lý trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và bố trí nguồn lực (*Ngân sách Nhà nước: Ngân sách trung ương được bố trí từ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, ngân sách tỉnh, huyện và nguồn huy động hợp pháp khác*); khuyến khích các tổ chức, cá nhân tự nguyện tài trợ để bổ sung nguồn kinh phí trong tổ chức thực hiện Đề án.

2. Mục tiêu

- Từng bước tăng tỷ lệ người DTTS nói được tiếng dân tộc bình quân từ 2-3%/năm; phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ người DTTS nói được tiếng dân tộc đạt từ 15 - 20%.

- Từ năm học 2024 - 2025, đến hết năm học 2029 - 2030: 100% các trường học vùng đồng bào DTTS&MN tổ chức được lớp học tiếng dân tộc và duy trì thường xuyên việc dạy và học tiếng dân tộc. Đồng thời, triển khai thí điểm việc dạy và học tiếng dân tộc trong cộng đồng ở 73 xã vùng đồng bào DTTS&MN; mỗi xã chọn 01 thôn/bản để làm điểm và rút kinh nghiệm cho triển khai những năm sau. Từ năm 2026 đến năm 2030, hằng năm tổ chức lớp học tiếng dân tộc và duy trì thường xuyên việc dạy và học tiếng dân tộc trong cộng đồng; phấn đấu đến hết năm 2030: 100% số thôn/bản (539 thôn/bản) vùng đồng bào DTTS&MN tổ chức được các lớp học tiếng dân tộc và duy trì thường xuyên việc dạy và học tiếng dân tộc trong cộng đồng.

- Đến hết năm 2030 các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, mỗi huyện có từ 2-3 thôn/bản có đội văn nghệ biểu diễn bằng tiếng dân tộc phục vụ cho du khách tại các điểm du lịch cộng đồng.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỦA ĐỀ ÁN

1. **Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền cơ sở và người dân về sự cần thiết phải bảo tồn, phát huy ngôn ngữ các DTTS**

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền và Nhân dân các xã vùng đồng bào DTTS&MN về nhiệm vụ giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc nói chung, bảo tồn ngôn ngữ các DTTS nói riêng; trong đó bảo tồn, phát huy tiếng DTTS là vấn đề quan trọng, bức thiết và rất đáng báo động trong giai đoạn hiện nay; để mọi người hiểu rõ, chung tay giữ gìn, bảo tồn ngôn ngữ các DTTS theo các nội dung của Đề án. Thực hiện tốt phương châm: Bảo tồn ngôn ngữ các DTTS là trách nhiệm của người DTTS; “Nhà nước hỗ trợ, người dân chủ động thực hiện”; “Ngôn ngữ, tiếng nói, bản sắc văn hóa” của người DTTS còn thì còn người DTTS.

- Khuyến khích các lớp học tiếng dân tộc thực hiện lồng ghép buổi học với các buổi sinh hoạt của Câu lạc bộ hát dân ca; học tiếng dân tộc thông qua lời ca tiếng hát, tạo sự hấp dẫn, lôi cuốn người học; tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ nhằm từng bước hình thành các sản phẩm du lịch cộng đồng đặc trưng của địa phương, góp phần tạo môi trường gìn giữ, bảo tồn và phát huy ngôn ngữ các DTTS.

- Nghiên cứu bổ sung việc thực hiện các nội dung của Đề án thành tiêu chí “điểm cộng” trong công tác đánh giá thi đua của phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” trong vùng đồng bào DTTS&MN của tỉnh.

2. **Xây dựng cơ chế, chính sách và huy động nguồn lực**

Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ cho các hoạt động bảo tồn, phát huy ngôn ngữ các DTTS, trong đó ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ đạo:

- Xây dựng chính sách của tỉnh hỗ trợ thù lao cho người truyền dạy tiếng dân tộc trong các trường học và cộng đồng; hỗ trợ kinh phí cho các thôn/bản đề mua sắm bằng phần tiêu chuẩn (*mỗi thôn chỉ hỗ trợ một lần*) phục vụ cho việc truyền dạy tiếng DTTS.

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho các thôn/bản, trường học được phép huy động kinh phí tự nguyện, hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân tài trợ cho các lớp học tiếng dân tộc để chi hoạt động duy trì lớp học tiếng dân tộc như: Hỗ trợ người học vở ghi, bút, tài liệu học tập; biểu dương, khen thưởng những học viên có thành tích xuất sắc trong học tập và các chi phí hợp lý, hợp lệ khác trong tổ chức thực hiện Đề án tại thôn/bản.

3. **Xây dựng tài liệu truyền, dạy tiếng dân tộc của tỉnh Bắc Giang để tổ chức truyền dạy trong các trường học vùng đồng bào DTTS&MN và cộng đồng**

3.1. *Căn cứ pháp lý của việc xây dựng tài liệu truyền dạy*

Căn cứ khoản 2, Điều 2 Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 82/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định: "Bộ chữ tiếng DTTS được dạy và học trong các cơ sở giáo

dục phải là bộ chữ cổ truyền đã được lưu hành và sử dụng rộng rãi trong cộng đồng dân tộc, được cơ quan chuyên môn xác định và được UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê chuẩn hoặc bộ chữ được Chính phủ ban hành".

3.2. Xây dựng 07 bộ tài liệu truyền dạy (tài liệu lưu hành nội bộ) của 6 thành phần DTTS trên địa bàn tỉnh

- Xây dựng 07 bộ tài liệu truyền dạy cho 07 ngôn ngữ tiếng DTTS là: Tày, Nùng, Hoa, Dao, Cao Lan, Sán Chí, Sán Dìu. Về tiếng Hoa, trước mắt xây dựng tài liệu truyền dạy tiếng Ngái cho người dân tộc Hoa ở Bắc Giang; tiếng Sán Chay xây dựng tài liệu truyền dạy cho 2 ngôn ngữ Cao Lan và Sán Chí.

3.3. Quan điểm xây dựng tài liệu truyền dạy

Tài liệu truyền dạy tiếng dân tộc phải được xây dựng trên tinh thần tinh giản, gần gũi, thiết thực, có tính thực hành cao; đồng thời đáp ứng 04 tiêu chí sau:

- Thông qua việc xây dựng tài liệu truyền dạy tiếng dân tộc gắn với nội dung tuyên truyền quan điểm của Đảng, Nhà nước, của Tỉnh ủy – HĐND - UBND tỉnh Bắc Giang về công tác dân tộc; để củng cố thêm niềm tin của thế hệ trẻ trong đồng bào các DTTS với Đảng, Nhà nước ta.

- Phù hợp với đối tượng học: Là những người DTTS đã thông thạo chữ Quốc Ngữ nhưng không nói được tiếng của dân tộc mình.

- Phù hợp với đối tượng truyền dạy: Là những người DTTS còn thông thạo tiếng dân tộc; có điều kiện, tâm huyết trong việc bảo tồn ngôn ngữ dân tộc nhưng chưa có kỹ năng sư phạm cơ bản.

- Thông qua việc học tiếng và các hoạt động dân ca, dân vũ... tại các lớp học tiếng dân tộc, người học sẽ hiểu biết thêm về bản sắc văn hóa của dân tộc mình, từ đó biết yêu "tiếng mẹ đẻ", biết giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa của người DTTS.

3.4. Về nội dung tài liệu truyền dạy

Tài liệu truyền dạy được thiết kế thành 10 chủ đề, mỗi chủ đề gồm có các cấu trúc: Từ vựng, ngữ pháp, thực hành gồm: Giao tiếp; quê hương, đất nước; văn hóa đặc sắc các DTTS; quan điểm của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc; một số chính sách của Tỉnh Bắc Giang về công tác dân tộc...

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

3.5. Về thời lượng của tài liệu truyền dạy

Tài liệu là cơ sở để người truyền dạy biên soạn giáo án truyền dạy tại các lớp học tiếng dân tộc trong trường học vùng đồng bào DTTS&MN và cộng đồng. Tùy theo đối tượng của lớp học, người truyền dạy sẽ phân bổ nội dung, thời lượng cho phù hợp như: Học sinh bậc tiểu học là 70 tiết; bậc THCS, THPT, các PTDTNT, BT và trong cộng đồng (tại thôn/bản) là 120 tiết học⁽⁶⁾.

⁶ Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông. Theo đó: Bậc TH sẽ học 17-18 buổi, mỗi buổi học 4 tiết, mỗi tiết học 35 phút; bậc THCS và THPT học 30 buổi, mỗi buổi tương ứng 4 tiết, mỗi tiết học 45 phút.

3.6. Phương pháp, quy trình xây dựng tài liệu truyền dạy

Tài liệu truyền dạy tiếng dân tộc được xây dựng theo quy trình như sau:

- Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Ban biên soạn tài liệu truyền dạy tiếng DTTS tỉnh Bắc Giang;
- Ban Biên soạn xây dựng dự thảo tài liệu khung (*bằng chữ Quốc Ngữ*); xin ý kiến thẩm định về nội dung các cơ quan liên quan; tiếp thu, hoàn thiện tài liệu khung;
- Thành lập các Tổ biên dịch tài liệu truyền dạy, thực hiện phiên âm từ tài liệu khung sang 07 ngôn ngữ DTTS (*mượn chữ Quốc Ngữ để mô tả âm ngữ của các thành phần DTTS*), gồm: Tày, Nùng, Hoa, Dao, Cao Lan, Sán Chí, Sán Dìu; thực hiện dạy thí điểm để rút kinh nghiệm và hoàn thiện tài liệu;
- Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định tài liệu truyền dạy tiếng DTTS tỉnh Bắc Giang;
- UBND tỉnh phê duyệt 07 bộ tài liệu tài liệu truyền dạy cho 07 ngôn ngữ tiếng DTTS.

Việc thẩm định tài liệu truyền dạy, vận dụng theo quy định tại Thông tư số 33/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc thẩm định tài liệu giáo dục địa phương.

4. Thực hiện tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sư phạm cho lực lượng truyền dạy tiếng DTTS

4.1. Xây dựng tiêu chí số người dân tộc tại mỗi xã để xác định số người cần thiết tham gia lực lượng truyền dạy tiếng DTTS

Căn cứ vào số lượng các DTTS sinh sống ổn định thành cộng đồng, số nhân khẩu, thành phần dân tộc ở 73 xã vùng đồng bào DTTS&MN (*theo kết quả điều tra 53 DTTS năm 2019*), việc xác định số người cần thiết tham gia truyền, dạy như sau:

- Số nhân khẩu/thành phần dân tộc/xã từ 300 đến dưới 1.000 người, bố trí 01 người truyền dạy.
- Số nhân khẩu/thành phần dân tộc/xã từ 1.000 đến dưới 2.000 người, bố trí 02 người truyền dạy.
- Số nhân khẩu/thành phần dân tộc/xã từ 2.000 đến dưới 3.000 người, bố trí 03 người truyền dạy.
- Số nhân khẩu/thành phần dân tộc/xã từ 3.000 người trở lên, bố trí 05 người truyền dạy.

Trên cơ sở cơ cấu các thành phần dân tộc tại 73 xã vùng đồng bào DTTS&MN, cần thiết phải có 286 người tham gia lực lượng truyền dạy; trong đó chia theo thành phần dân tộc, cần có: 69 người dân tộc Tày; 25 người Hoa; 106 người Nùng; 15 người Dao; 33 người Sán Chay (*Cao Lan và Sán Chí*); 37 người Sán Dìu.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

4.2. Thực hiện tập huấn, bồi dưỡng kiến thức công tác bảo tồn ngôn ngữ tiếng DTTS và kỹ năng sư phạm cơ bản cho lực lượng truyền dạy

Đề phát huy nguồn nhân lực tại chỗ, rà soát các đối tượng giáo viên, công chức, viên chức (*đang công tác hoặc đã nghỉ hưu*), nghệ nhân, NCUT, người DTTS còn thông thạo tiếng dân tộc, có điều kiện, tâm huyết tham gia lực lượng truyền dạy tiếng dân tộc để tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sư phạm; chia làm 02 lớp như sau:

- Lớp 01, là những giáo viên là người DTTS tập huấn 01 ngày, nội dung: Quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc; nội dung cơ bản của Đề án "Bảo tồn, phát huy tiếng DTTS trên địa bàn tỉnh Bắc Giang"; những nội dung trọng tâm của từng chủ đề trong tài liệu truyền dạy tiếng dân tộc được UBND tỉnh phê duyệt.

- Lớp 02, là những nghệ nhân, NCUT... trong vùng đồng bào DTTS&MN, nội dung:

(1) Quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc; nội dung cơ bản Đề án "Bảo tồn, phát huy tiếng DTTS trên địa bàn tỉnh Bắc Giang"; những nội dung trọng tâm của từng chủ đề trong tài liệu truyền dạy tiếng dân tộc (*1/2 ngày*).

(2) Bồi dưỡng 05 kỹ năng sư phạm cơ bản cho lực lượng truyền dạy tiếng DTTS, gồm:

- + Kỹ năng giao tiếp với người học (*1/2 ngày*);
- + Kỹ năng tổ chức và quản lý lớp học (*01 ngày*);
- + Kỹ năng tổ chức các hoạt động học tập (*01 ngày*);
- + Kỹ năng điều chỉnh hành vi, giải quyết vấn đề (*01 ngày*);
- + Kỹ năng truyền lửa cho người học (*01 ngày*).

- Yêu cầu đối với giảng viên lớp tập huấn: Phải xây dựng kế hoạch bài dạy; trình chiếu Powerpoint, có hình ảnh, video, dẫn chứng sinh động; dành thời gian trao đổi với học viên và có bài tập thực hành; cuối khóa học có bài kiểm tra.

Kết thúc lớp tập huấn, những người đủ điều kiện (*tham dự đầy đủ các buổi học; thực hiện tốt các nội quy của lớp học; làm bài tập, bài kiểm tra đầy đủ và đạt yêu cầu*) được Sở Giáo dục và Đào tạo cấp 01 Giấy xác nhận hoàn thành chương trình tập huấn kỹ năng sư phạm ngắn hạn. Giấy xác nhận này là cơ sở để cá nhân được mời tham gia truyền dạy tại các trường học và trong cộng đồng; được hưởng các khoản hỗ trợ của Nhà nước theo nội dung của Đề án.

- Báo cáo viên lớp bồi dưỡng, gồm:

+ Báo cáo viên là Lãnh đạo Ban Dân tộc: Nội dung 01.

+ Báo cáo viên là Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, cán bộ, giáo viên trên địa bàn tỉnh (*do Sở Giáo dục và Đào tạo lựa chọn*): Nội dung 02.

- Địa điểm tổ chức các lớp tập huấn: Tại thành phố Bắc Giang.

4.3. Quyền lợi, trách nhiệm của người truyền dạy tiếng DTTS

- Quyền lợi: Những người tham gia lực lượng truyền dạy tiếng DTTS theo Đề án được hỗ trợ 800.000 đồng (*bằng tiền mặt*) để hỗ trợ mua sắm 01 bộ trang phục dân tộc của dân tộc mình; được hưởng mức hỗ trợ 300.000 đồng/buổi truyền dạy. Tùy theo thành tích trong thực hiện các nội dung của Đề án, được cấp có thẩm quyền bình xét, đề xuất các hình thức khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng.

- Trách nhiệm: Thực hiện truyền dạy theo đúng nội dung của Tài liệu được UBND tỉnh phê duyệt; mặc trang phục của dân tộc mình trong quá trình truyền dạy tiếng DTTS.

5. Thực hiện truyền dạy tiếng DTTS trong cộng đồng và các trường học

- Mỗi lớp học tiếng dân tộc phải tối thiểu từ 15 đến 30 người. Nếu số người trong thôn, bản, trường học không đủ số tối thiểu (*15 người*) thì thực hiện ghép với thôn, bản, trường học khác trong xã (*hoặc các trường, thôn/bản thuộc các xã lân cận*) để tổ chức lớp học, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học.

Người tham gia lớp học tiếng dân tộc (*gọi chung là người học*) được hỗ trợ 01 bộ tài liệu truyền dạy được UBND tỉnh phê duyệt (*do Ban Dân tộc cấp trên cơ sở số lượng đăng ký của UBND các huyện tổng hợp theo số lượng đăng ký của từng trường, xã, thôn/bản; từng ngôn ngữ theo nhu cầu thực tế*). Tùy theo tình hình và điều kiện thực tế của nguồn vốn xã hội hóa (*nguồn tài trợ tự nguyện hợp pháp của các tổ chức, cá nhân cho các lớp học tiếng dân tộc của các thôn/bản, trường học*), người học được hỗ trợ vở ghi, bút và được biểu dương, khen thưởng theo quy định.

- Ban Dân tộc chủ trì triển khai, hướng dẫn việc tổ chức các lớp học tiếng dân tộc trong cộng đồng. Ngân sách nhà nước hỗ trợ mỗi thôn/bản (*hỗ trợ một lần bằng tiền mặt*), số tiền 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) để trang bị bảng phấn tiêu chuẩn phục vụ lớp học truyền dạy trong cộng đồng.

- Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai, hướng dẫn việc tổ chức các lớp học tiếng dân tộc trong các trường học vùng đồng bào DTTS&MN.

6. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong truyền dạy tiếng dân tộc

Để ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong truyền dạy tiếng dân tộc, cần lựa chọn cách thức phù hợp như:

- Khuyến khích người truyền dạy, các tổ chức, cá nhân quan tâm tự xây dựng các video, audio bài học tiếng dân tộc (*trên cơ sở tài liệu truyền dạy đã được UBND tỉnh phê duyệt*) và cập nhật, đăng tải trên nền tảng mạng xã hội như Youtube, Zalo, Facebook,... để giúp mọi người có thể học tiếng dân tộc ở mọi lúc, mọi nơi. Người học có thể tự học và tương tác bằng hình thức tham gia ý kiến, góp ý vào tài liệu truyền dạy tiếng dân tộc, phương pháp truyền dạy... để tăng tính tương tác, hấp dẫn cho người học.

Thông qua việc xây dựng các video, audio bài giảng nói trên, lồng ghép các nội dung tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu văn hóa, con người, các sản phẩm hàng hóa của tỉnh Bắc Giang với bạn bè trong nước và quốc tế trong tiến trình "Hội nhập và phát triển" hiện nay.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án, căn cứ điều kiện, yêu cầu thực tế và khả năng bố trí, cân đối ngân sách của tỉnh; Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí để thực hiện nội dung hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong truyền dạy tiếng dân tộc, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh.

IV. KINH PHÍ VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kinh phí thực hiện

- *Giai đoạn 2024 – 2025*: Khoảng 6.541 triệu đồng; trong đó ngân sách thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025: 447 triệu đồng, ngân sách tỉnh 3.654 triệu đồng, ngân sách của 05 huyện là 2.440 triệu đồng.

- *Giai đoạn 2026 – 2030 (Kỳ ổn định ngân sách của giai đoạn mới)*: khoảng 40.262 triệu đồng; trong đó ngân sách tỉnh 33.270 triệu đồng; ngân sách của 05 huyện 6.991 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

2. Phân theo nhiệm vụ chi của mỗi cấp ngân sách

2.1. Ngân sách trung ương (nguồn vốn sự nghiệp) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 – 2025, thực hiện nội dung:

Tập huấn cho các đối tượng là nghệ nhân, NCUT, người DTTS tham gia lực lượng truyền dạy tiếng DTTS theo nội dung của Đề án.

2.2. Ngân sách tỉnh, thực hiện các nội dung

- Xây dựng tài liệu truyền dạy tiếng dân tộc.

- Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về công tác bảo tồn ngôn, ngữ tiếng DTTS cho lực lượng truyền dạy là giáo viên trên địa bàn tỉnh.

- Chi hỗ trợ trang phục cho người truyền dạy tiếng dân tộc.

- Chi hỗ trợ kinh phí cho người truyền dạy tiếng dân tộc trong các trường học do cấp tỉnh quản lý (gồm: các trường THPT, trường PTDTNT tỉnh, trường PTDTNT huyện Sơn Động, trường PTDTNT huyện Lục Ngạn) và các lớp học trong cộng đồng.

- Chi ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số (*thực hiện theo lộ trình, kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh, phù hợp với điều kiện thực tiễn*).

2.3. Ngân sách huyện

- Chi hỗ trợ bảng phân tiêu chuẩn cho các thôn/bản phục vụ các lớp học trong cộng đồng.

- Chi hỗ trợ kinh phí cho người truyền dạy tiếng dân tộc trong các trường học do cấp huyện quản lý (gồm các trường tiểu học, trung học cơ sở, trường PTDTNT, BT do huyện quản lý).

2.4. Huy động các nguồn tài trợ tự nguyện, hợp pháp khác từ tổ chức, cá nhân để chi cho hoạt động của các lớp học tiếng dân tộc

- Chi hỗ trợ các chi phí phô tô tài liệu truyền dạy (khi số người học nhiều hơn số lượng tài liệu được cấp phát hàng năm).

- Chi hỗ trợ mua bút, vở cho học viên.

- Chi khen thưởng, biểu dương các học viên có thành tích xuất sắc trong học tập tại các lớp học tiếng dân tộc.

- Chi các nội dung hoạt động khác của lớp học như điện, nước uống và các chi phí hợp lý, hợp lệ khác.

3. Lộ trình thực hiện Đề án

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc

- Chủ trì, phối hợp với các Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng tài liệu truyền dạy tiếng dân tộc, trình UBND tỉnh phê duyệt; tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ thù lao cho người truyền dạy tiếng DTTS, hỗ trợ kinh phí cho các thôn/bản để mua sắm bảng phấn tiêu chuẩn (mỗi thôn chỉ hỗ trợ một lần) phục vụ cho việc truyền dạy tiếng DTTS trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2024 – 2030.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức tập huấn cho lực lượng truyền dạy tiếng dân tộc (Lớp 01) là những giáo viên là người DTTS.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các lớp học tiếng dân tộc trong cộng đồng theo lộ trình của Đề án⁽⁷⁾.

(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo).

- Thực hiện công tác hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các nội dung của Đề án; định kỳ (6 tháng, năm) tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện; kịp thời nắm bắt, tổng hợp và tham mưu, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện Đề án.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Xây dựng kế hoạch đưa nội dung học tiếng dân tộc tích hợp, lồng ghép trong các hoạt động giáo dục, đảm bảo phù hợp với từng bậc học, ở các trường tiểu học, THCS, THPT, PTDTNT, PTDTBT vùng đồng bào DTTS&MN từ năm 2024 theo lộ trình thực hiện Đề án.

⁷ Theo kết quả rà soát nhu cầu học tiếng dân tộc trong cộng đồng vùng DTTS&MN (tháng 5/2023) có 84.331 người; trong đó số người từ 20-40 tuổi là 75.929 người, từ 11-19 tuổi là 34.463 người.

- Phối hợp với Ban Dân tộc triển khai thực hiện các nội dung của Đề án.
- Thực hiện công tác hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện; kịp thời nắm bắt, tổng hợp các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện Đề án. Định kỳ (6 tháng, năm) tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Đề án về UBND tỉnh (qua Ban Dân tộc để tổng hợp).

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chỉ đạo Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện hướng dẫn, khuyến khích các Câu lạc bộ hát dân ca bố trí các buổi sinh hoạt lồng ghép cùng các lớp học tiếng dân tộc; thành lập các đội văn nghệ trong các lớp học tiếng dân tộc và tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, biểu diễn văn nghệ; xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng của đồng bào DTTS gắn với phát triển du lịch cộng đồng.
- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện nội dung tập huấn cho người truyền dạy tiếng dân tộc thuộc đối tượng là các nghệ nhân, NCUT, người DTTS... theo nội dung của Đề án từ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2024 để thực hiện Dự án 6 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 – 2025.

- Phối hợp với Ban Dân tộc triển khai thực hiện các nội dung của Đề án.
- Nghiên cứu, đề xuất đưa việc thực hiện các nội dung của Đề án thành tiêu chí “điểm cộng” trong công tác đánh giá thi đua của phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” vùng đồng bào DTTS&MN.

4. Sở Tài chính

- Tham mưu bố trí kinh phí sự nghiệp từ nguồn vốn ngân sách tỉnh để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ do ngân sách tỉnh đảm bảo theo Đề án được duyệt.
- Thực hiện hướng dẫn, thẩm định dự toán kinh phí, công tác thanh quyết toán nguồn vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước theo quy định.

5. Các sở, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Ban Dân tộc, Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án.

6. UBND huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế và Lạng Giang

- Chỉ đạo các cơ quan thuộc UBND huyện, UBND xã, thị trấn trên địa bàn triển khai thực hiện các nội dung theo Đề án và hướng dẫn của Ban dân tộc, Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành tỉnh có liên quan. Hằng năm, chủ động cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách huyện cho các nội dung do ngân sách huyện đảm bảo theo Đề án được duyệt.
- Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, vận động góp phần nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN về tầm quan trọng của việc bảo tồn ngôn ngữ các DTTS trong giai đoạn hiện nay; chỉ đạo, hướng dẫn, khuyến khích việc tổ chức các

cuộc thi viết, nói, kể chuyện, hùng biện... bằng tiếng dân tộc tại các lễ hội của huyện, xã, thôn/bản dịp đầu xuân hàng năm...;

- Chỉ đạo chính quyền các xã, thị trấn tạo điều kiện cho các lớp học tiếng dân tộc (*trong trường học, cộng đồng*) được huy động các nguồn tài trợ tự nguyện, hợp pháp để hỗ trợ, duy trì các lớp học.

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án trên địa bàn huyện; kịp thời nắm bắt, tổng hợp các vấn đề vướng mắc, phát sinh; định kỳ (*6 tháng, năm*) tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Đề án về UBND tỉnh (*qua Ban Dân tộc*) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

7. Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Tăng thời lượng tin, bài tuyên truyền về tầm quan trọng của công tác bảo tồn ngôn ngữ (*tiếng dân tộc*) của DTTS trong giai đoạn hiện nay và các nội dung của Đề án, tạo sự đồng thuận trong nhân dân trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án.

8. Đề nghị Ủy ban MTTQ tỉnh

Đề nghị Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh Bắc Giang chủ trì, phối hợp với các tổ chức thành viên của Mặt trận thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền tới các thành viên, hội viên tích cực hưởng ứng thực hiện các nội dung của Đề án; hằng năm xây dựng kế hoạch giám sát việc tổ chức thực hiện Đề án ở các cấp, các ngành, địa phương, cơ sở đảm bảo hiệu quả, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án./.